

Số: 452/TB-TrTHCS

Mạo Khê, ngày 01 tháng 9 năm 2022

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học cơ sở
Năm học 2022 - 2023**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học		
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	21	
2	Phòng học bán kiên cố		
3	Phòng học tạm		
4	Phòng học nhờ		
5	Số phòng học bộ môn	06	
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)		
7	Bình quân lớp/phòng học	01/01	
8	Bình quân học sinh/lớp	41,3	
III	Số điểm trường	0	
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	11.241,4	
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	4.745	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²): 11 phòng dãy 2 tầng (48m ²) và 10 phòng dãy 3 tầng (60m ²)	1128	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	318	
3	Diện tích phòng chuẩn bị (m ²)	40	
3	Diện tích thư viện (m ²)	50	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	0	
5	Diện tích phòng khác: phòng Đoàn - Đội, phòng truyền thống (m ²)	20	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 6		
1.2	Khối lớp 7		
1.3	Khối lớp 8		
1.4	Khối lớp 9		
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học	53	

	tập (Đơn vị tính: bộ)		
IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		
1	Ti vi	12	
2	Cát xét	2	
3	Đầu Video/đầu đĩa	2	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	4	
5	Máy tính bảng	10	
6	Máy in, photo	08	

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	0
XI	Nhà ăn	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0		
XIII	Khu nội trú	0		

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m²/học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	1		1		30
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet (ADSL)	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Thị Phú